

CHÍNH PHỦ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2
(19/8/2020)**NGHỊ ĐỊNH**
Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiềm lực khoa học và công nghệ* bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, thông tin và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

2. *Hoạt động khoa học và công nghệ* trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. *Nhóm nghiên cứu mạnh* là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước đứng đầu, dẫn dắt phát triển một lĩnh vực nghiên cứu có tính liên ngành, xuyên ngành nhằm giải quyết được các bài toán lớn, thực hiện

các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ, hướng đến hình thành một trường phái nghiên cứu riêng biệt.

4. *Hoạt động đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

5. *Doanh nghiệp khởi nghiệp* là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới cho xã hội trên cơ sở các ý tưởng sáng tạo khác biệt.

6. *Doanh nghiệp khởi nguồn* là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập để thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nhằm mục đích khai thác, tối đa hóa lợi ích kinh tế của những tri thức tạo ra đã được Nhà nước bảo hộ.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 3. Kế hoạch khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm trên cơ sở chiến lược phát triển của đơn vị; mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kế hoạch khoa học và công nghệ được xây dựng theo nội dung khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với tiến độ xây dựng kế hoạch của các cơ quan quản lý nhà nước và của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 4. Đơn vị quản lý và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Đơn vị chuyên trách quản lý và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục đại học, có thể tổ chức dưới dạng phòng (ban) quản lý khoa học và chuyển giao công nghệ, phòng (ban) quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoặc trung tâm tư vấn và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Phòng quản lý khoa học có các viên chức kiêm nhiệm, chuyên trách và các chuyên gia kiêm nhiệm công tác chuyên môn từ các đơn vị chuyên môn trực thuộc đề tư vấn thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của phòng.

3. Phòng quản lý khoa học có chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học, quan hệ công tác giữa phòng quản lý khoa học với các đơn vị trong cơ sở giáo dục đại học, với các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ;

b) Hướng dẫn viên chức và người học đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp hàng năm và tổ chức đánh giá, phân loại để lập danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

c) Trình thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với đơn vị chủ trì nhiệm vụ, theo dõi quản lý nhiệm vụ; tham mưu đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh gửi các bộ, ngành, địa phương liên quan; theo dõi, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học chủ trì;

d) Hướng dẫn thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có nguồn gốc ngân sách nhà nước cho cơ sở giáo dục đại học và cá nhân chủ trì nhiệm vụ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm hàng hóa;

đ) Tư vấn thành lập và tham gia điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học để thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của viên chức và người học;

e) Tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo (hội nghị khoa học của giảng viên, sinh viên, hội thảo khoa học, trình diễn công nghệ, giới thiệu sản phẩm mới, kết nối doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, gọi vốn đầu tư);

f) Quản lý và hỗ trợ thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác.

Điều 5. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học và công nghệ, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trạm, trại thực nghiệm và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập và đăng ký theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng được giao quyền tự chủ, giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo.

3. Cơ sở giáo dục đại học quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc và trực thuộc trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ, bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo quy định hiện hành.

4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ, cơ sở giáo dục đại học quyết định việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 6. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng thương hiệu, tài sản trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được giao hoặc nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thành lập doanh nghiệp và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Cơ sở giáo dục đại học được giao quyền sử dụng kết quả khoa học và công nghệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước để thương mại hóa và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương III

NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 8. Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh

Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

1. Nhà khoa học trong nước và nước ngoài có uy tín cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành.

2. Các giảng viên, nghiên cứu sinh, sinh viên và cá nhân có cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành với nhóm nghiên cứu mạnh.

Điều 9. Tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh

1. Nhóm nghiên cứu mạnh phải tập hợp đội ngũ đủ lớn các nhà khoa học, nghiên cứu có uy tín trong nước và nước ngoài cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành.

2. Cơ sở giáo dục đại học nơi có trường nhóm nghiên cứu phải có cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thiết bị phù hợp với hướng nghiên cứu chính; có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các thành viên chủ chốt đã có nhiều kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vượt trội.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh chương trình nghiên cứu với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể của từng giai đoạn và dự kiến kinh phí trong 05 năm; sản phẩm của chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo hoặc (và) sách giáo trình, đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả, chuyển giao công nghệ.

Điều 10. Tiêu chuẩn cơ bản của Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh

Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đã có nhiều công trình nghiên cứu lớn, kết quả vượt trội trong nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ; có khả năng qui tụ được nhiều nhà khoa học có uy tín trong nước và nước ngoài thực hiện hướng nghiên cứu có tính liên ngành, xuyên ngành; có năng lực và thực tiễn huy động các nguồn lực phục vụ cho các hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh.

Điều 11. Ưu đãi cho nhóm nghiên cứu mạnh

1. Trưởng nhóm và thành viên chủ chốt là giảng viên được giảm giờ chuẩn giảng dạy hoặc giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (nếu có) phù hợp. Sau 04 học kỳ giảng dạy được nghỉ giảng dạy 01 học kỳ để dành toàn bộ thời gian cho nhiệm vụ nghiên cứu.

2. Nhóm nghiên cứu mạnh được Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học ưu tiên cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí đào tạo tiến sĩ, kinh phí thực hiện chương trình nghiên cứu, tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài; được hỗ trợ kinh phí để thu hút các chuyên gia xuất sắc, mời các nhà khoa học, chuyên gia và thực tập sinh nước ngoài đến làm việc; được hỗ trợ kinh phí cho thành viên của nhóm đi trao đổi, nghiên cứu ở nước ngoài thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh được ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của cơ sở giáo dục đại học; được xem xét phát triển thành các tổ chức khoa học và công nghệ như các phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu xuất sắc; được phép sử dụng tài sản trí tuệ do nhóm nghiên cứu mạnh tạo ra để kết hợp với doanh nghiệp hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn và được hưởng lợi ích mang lại từ doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

4. Nhóm nghiên cứu mạnh có thể được mua sắm một số thiết bị chuyên biệt từ nguồn kinh phí của chương trình nghiên cứu để phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu; có thể được đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm chuyên ngành để thực hiện các định hướng phát triển ưu tiên.

5. Cơ sở giáo dục đại học tìm kiếm các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (từ hợp tác quốc tế, tài trợ của các tổ chức, cá nhân) xây dựng phòng thí nghiệm và giao cho nhóm nghiên cứu mạnh trực tiếp quản lý và sử dụng cho hoạt động nghiên cứu.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chi tiết việc hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn tiêu chuẩn cụ thể đối với trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh trong từng lĩnh vực khoa học công nghệ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 12. Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế khai thác tài sản trí tuệ đã được bảo hộ và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn viên chức và người học thủ tục định giá tài sản trí tuệ, phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp của nhà tài trợ, cơ sở giáo dục đại học đàm phán với nhà tài trợ về việc giao quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh khi kết quả nghiên cứu được ứng dụng.

2. Cơ sở giáo dục đại học phổ biến và tập huấn cho viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài.

Điều 13. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học

1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

Điều 14. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học khuyến khích đơn vị trực thuộc và giảng viên, người học thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, ký kết hợp đồng, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành.

Điều 15. Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan, kết nối hợp tác

nghiên cứu giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, chủ động thỏa thuận và ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp.

2. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ cho doanh nghiệp theo hợp đồng tư vấn, thẩm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo thỏa thuận.

3. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ theo thỏa thuận về giá trị vốn và được hưởng lợi nhuận từ doanh nghiệp theo tỷ lệ vốn góp. Doanh nghiệp được chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ và lợi nhuận khi nhận chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học.

4. Cơ sở giáo dục đại học được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học và công nghệ và khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp.

5. Cơ sở giáo dục đại học, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ được thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kết quả nghiên cứu và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

6. Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung.

7. Cán bộ kỹ thuật và quản lý có trình độ cao của doanh nghiệp được tham gia giảng dạy một số chuyên đề tại cơ sở giáo dục đại học về các nội dung có liên quan đến công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

Điều 16. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp từ ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và kết quả nghiên cứu của cán bộ, viên chức và người học.

2. Cơ sở giáo dục đại học được liên kết với tổ chức, cá nhân xây dựng vườn ươm công nghệ, khu ươm tạo công nghệ, không gian làm việc chung, mạng lưới chuyên gia tư vấn, các khóa huấn luyện, đào tạo, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, quỹ hỗ trợ vốn đầu tư mạo hiểm.

3. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của viên chức và người học để phát triển thị trường và huy động vốn từ thị trường, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Cơ sở giáo dục đại học, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ thành lập doanh nghiệp khởi nguồn từ kết quả nghiên cứu

và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ; ban hành quy định về chuyển nhượng doanh nghiệp khởi nguồn cho tổ chức, cá nhân ngoài cơ sở giáo dục đại học để có nguồn tài chính tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho cơ sở giáo dục đại học.

Điều 17. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc văn bản hợp tác song phương giữa cơ sở giáo dục đại học với đối tác nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hai nước.

2. Cơ sở giáo dục đại học lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để thỏa thuận hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, hợp tác song phương và đa phương gắn với đào tạo sau đại học tại nước ngoài; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ trợ một phần học bổng cho viên chức và người học đi học ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín; nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thường niên trong một số lĩnh vực có thế mạnh, mời các nhà khoa học của đối tác nước ngoài cùng chủ trì hoặc tham gia; tổ chức mạng lưới phản biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu và ấn phẩm khoa học khác theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Cơ sở giáo dục đại học được nhận chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ; cử các nghiên cứu sinh, thực tập sinh tham gia nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.

5. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt để ký kết hợp đồng chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác.

6. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học được ký kết hợp đồng chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tham gia thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu của nước ngoài theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và quy định hiện hành.

Điều 18. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nâng cấp tạp chí khoa học, thực hiện hoạt động tìm kiếm, thu thập, xử lý, xây dựng, lưu trữ, phổ biến, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ, các hoạt động khác có liên quan trực tiếp nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập) và phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia, chuyên đề và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức các hoạt động thư viện; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, sắp xếp mạng lưới tạp chí khoa học trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 19. Hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ

Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ sau đây:

1. Các sự kiện và thành tựu liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; nêu gương các tổ chức và cá nhân điển hình trong hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng mạng lưới cộng tác viên truyền thông là phóng viên các cơ quan báo chí và thường xuyên cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Truyền thông hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế cho giảng viên, nghiên cứu viên và người học; khen thưởng và trao giải thưởng nghiên cứu khoa học cho viên chức, sinh viên có kết quả nghiên cứu xuất sắc.

3. Chủ trì hoặc tham gia Chợ công nghệ và thiết bị để giới thiệu các công nghệ mới, sản phẩm mới của cơ sở giáo dục đại học và các đối tác trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ với cơ sở giáo dục đại học.

4. Chủ trì hoặc tham gia Ngày hội khởi nghiệp và ngày hội đầu tư để giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp, các dự án khởi nghiệp, trình diễn công nghệ và thuyết trình gọi vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nguồn để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ, các quỹ đầu tư khởi nghiệp và đầu tư mạo hiểm.

5. Tổ chức Ngày hội khoa học và công nghệ hàng năm vào dịp Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5

Chương V
PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 20. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các nội dung sau:

a) Xây dựng phòng thí nghiệm tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ;

b) Số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài;

c) Mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định hiện hành;

d) Các nội dung khác theo quy định hiện hành.

2. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực mạnh về nhân lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng, trong đó đặc biệt ưu tiên cơ sở giáo dục đại học đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh;

b) Cơ sở giáo dục đại học đóng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

c) Cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin và cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Điều 21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Ngân sách Nhà nước tài trợ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

- c) Nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học;
- d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- đ) Hằng năm, kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, nếu chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, phải được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;
- e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau:

- a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được tài trợ từ ngân sách Nhà nước;
- b) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trên cơ sở không sử dụng ngân sách Nhà nước; Chi đối ứng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (nếu có);
- c) Sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ;
- d) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng;
- đ) Hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia nước ngoài; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;
- e) Chi các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.

4. Cơ sở giáo dục đại học ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 22. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

- 1. Nguồn vốn cho khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học gồm:
 - a) Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp);
 - b) Ngân sách nhà nước từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo chi cho đào tạo tiến sĩ trong nhóm nghiên cứu mạnh (nếu có);

c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Ngân sách nhà nước trong cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau đây:

a) Vốn từ sự nghiệp khoa học và công nghệ: Tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả; phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thưởng theo mức lương cơ sở cho công bố khoa học có giá trị và các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành;

Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thưởng tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 3 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ. Kinh phí thưởng được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ với mức tối thiểu. Cơ sở giáo dục đại học sử dụng các nguồn kinh phí khác để thưởng thêm cho tác giả bài báo trong danh mục ISI và Scopus theo quy định của cơ sở giáo dục đại học;

b) Vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Dự án phòng thí nghiệm đầu tư, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng thí nghiệm liên ngành; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu; dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học; dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ khác;

c) Vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh.

3. Nguồn vốn của cơ sở giáo dục đại học: Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trên cơ sở không sử dụng ngân sách Nhà nước; đối ứng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (nếu có); sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ; thưởng tác giả bài báo trong danh mục ISI và Scopus; hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia nước ngoài; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của cơ sở giáo dục đại học.

4. Nguồn vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ: Cơ sở giáo dục đại học thỏa thuận với nhà tài trợ để thực hiện chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

Điều 23. Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục đại học cần xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định cho phù hợp.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Cơ sở giáo dục đại học được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ nguồn thu hợp pháp và nguồn tài chính do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ (gọi chung là nhà tài trợ) khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký;

b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí có thể căn cứ vào nội dung công việc và mức giá cả thị trường thực tế hoặc có thể áp dụng định mức như quy định hiện hành và thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có).

4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện độc lập và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 24. Tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chủ động sử dụng thương hiệu, tài sản trí tuệ được Nhà nước giao, tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động liên doanh, liên kết để sản xuất kinh doanh và làm dịch vụ; có thể chủ động định giá và góp vốn vào doanh nghiệp, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý theo của quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- a) Là cơ quan thường trực giúp Chính phủ triển khai Nghị định này;
- b) Chủ trì ban hành quy định chi tiết việc hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ liên quan trong cơ sở giáo dục đại học;
- c) Chủ trì ban hành quy định về đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.
- d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo mô hình khu tập trung dịch vụ góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học;
- đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan rà soát, sắp xếp mạng lưới tạp chí khoa học trong cơ sở giáo dục đại học;
- e) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam;
- f) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định;
- g) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

2. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam;

d) Chủ trì hướng dẫn về tiêu chí phân loại, thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

đ) Chủ trì hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; định mức số lượng người làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

e) Chủ trì hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

f) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho cơ sở giáo dục đại học;

b) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tài chính từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bố trí vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này đối với cơ sở giáo dục đại học trực thuộc, hàng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện;

b) Chủ trì hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học trực thuộc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố với tổ chức chủ trì là cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

2. Ban hành chính sách thu hút và trọng dụng viên chức khoa học trình độ cao làm việc tại cơ sở giáo dục đại học trực thuộc; có chính sách huy động nguồn tài chính từ doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất, đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học trực thuộc từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

6. Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học và các hoạt động khoa học và công nghệ khác mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

2. Đặt hàng cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ theo danh mục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên.

3. Đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên quảng bá, giới thiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, được khai thác tài sản đầu tư và được hưởng tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học.

4. Được hưởng các ưu đãi khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

5. Được hưởng ưu đãi đối với việc kinh doanh các sản phẩm hình thành từ hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học

1. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động KHCN theo quy định của pháp luật; Chủ động xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được phê duyệt.

2. Xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu mạnh và kiện toàn phòng quản lý khoa học theo quy định tại Nghị định này.

3. Khen thưởng viên chức, giảng viên và người học khi hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, công bố quốc tế trên các tạp chí ISI hoặc (và) Scopus.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

5. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích, minh bạch, hiệu quả nguồn vốn đầu tư và chịu trách nhiệm giải trình về đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học.

6. Ban hành các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, chịu trách nhiệm về phân cấp quản lý và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

7. Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học.

8. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; bãi bỏ Điều 16 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học; sửa Khoản 1, Điều 1 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học thành “1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các khoản 3, 4, 10, 12, 13, 15, 17, 23, 28 và 34 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b), ^{TND}.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc